

Số: 202/KH-UBND

Nhị Chiểu, ngày 11 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về Bộ Chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của UBND thành phố ban hành Bộ Chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2081/QĐ-UBND như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Bộ chỉ số), trong đó xác định rõ các nội dung, chỉ số thuộc trách nhiệm của UBND phường Nhị Chiểu cần tổ chức thu thập, tổng hợp và báo cáo định kỳ theo đúng quy định.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, công chức phường trong việc thu thập, xử lý, cung cấp số liệu chính xác, kịp thời, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu của các cấp lãnh đạo.

- Hình thành thói quen tư duy số, xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Số liệu báo cáo phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời theo đúng tần suất và phạm vi quy định tại Bộ chỉ số. Không báo cáo chậm, báo cáo sai số liệu hoặc bỏ sót chỉ số.

- Việc thu thập, tổng hợp số liệu phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, không để tồn đọng. Ưu tiên khai thác từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu sẵn có, hạn chế nhập liệu thủ công.

- Phân công rõ trách nhiệm từng cán bộ, công chức đối với từng nhóm chỉ số; bảo đảm có người phụ trách chính và người thay thế khi cần.

II. CÁC NHÓM CHỈ SỐ UBND PHƯỜNG CÓ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Căn cứ Bộ chỉ số ban hành kèm theo Quyết định số 2081/QĐ-UBND, Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm cung cấp **28 chỉ số thuộc 02 nhóm chính:**

1. Nhóm A (mục XIII) - Chỉ số theo dõi giám sát tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: bao gồm **25 chỉ số**; báo cáo với tuần suất hằng tháng, 6 tháng, hằng năm. Cụ thể:

STT	Chỉ số/Nội dung báo cáo	Tần suất	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh và giá hiện hành)	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
2	GTSX ngành Nông nghiệp - Thủy sản (giá so sánh và giá hiện hành)	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
3	Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp (giá so sánh; giá hiện hành; tốc độ tăng trưởng)	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
4	Giá trị sản xuất ngành Xây dựng (giá so sánh; giá hiện hành; tốc độ tăng trưởng)	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
5	GTSX ngành Dịch vụ (giá so sánh; giá hiện hành; tốc độ tăng trưởng)	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
6	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
7	Giá trị sản xuất trồng trọt, thủy sản/ha đất nông nghiệp (giá hiện hành)	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
8	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
9	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
10	Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (hộ kinh doanh đăng ký mới)	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
11	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
12	Hợp tác xã, kinh tế tập thể (đang hoạt động; thành lập mới; vốn điều lệ; giải thể)	Tháng	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	(Báo cáo trong phạm vi quản lý)
13	Tỷ lệ gia đình văn hóa hằng năm	Năm	Phòng Văn hoá - Xã hội	
14	Tỷ lệ khu dân cư văn hóa hằng năm	Năm	Phòng Văn hoá - Xã hội	
15	Số trường đạt chuẩn quốc gia (Mầm non, Tiểu học, THCS)	Năm	Phòng Văn hoá - Xã hội	
16	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (BHYT)	6 tháng/Năm	Phòng Văn hoá - Xã hội	

STT	Chỉ số/Nội dung báo cáo	Tần suất	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
17	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	Năm	Phòng Văn hoá - Xã hội	
18	Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	6 tháng/Năm	Phòng Văn hoá - Xã hội	
19	Tỷ lệ hộ dùng nước sạch hợp vệ sinh	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
20	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
21	Tỷ lệ phân loại rác thải tại nguồn	6 tháng/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
22	Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn	Tháng	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	
23	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến/tổng hồ sơ tiếp nhận	Tháng	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	
24	Số lượng hộ kinh doanh có hoạt động đổi mới sáng tạo	Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
25	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	Năm	Phòng Văn hoá - Xã hội	

2. Nhóm D - Chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong tình huống khẩn cấp (thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn): 03 chỉ số; tần suất báo cáo theo tháng/quý/năm. Cụ thể:

STT	Chỉ số/Nội dung báo cáo	Tần suất	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Các thông tin về dân sinh - kinh tế (dân cư, nhà ở, đất diện tích trồng trọt, số đầu con trong chăn nuôi, diện tích thủy sản, số hộ thiếu đói)	Tháng/Quý/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	(Báo cáo trong phạm vi quản lý)
2	Số hộ/người được hỗ trợ lương thực do thiên tai, hỏa hoạn, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng	Tháng/Quý/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	(Báo cáo trong phạm vi quản lý)
3	Tổng số gạo hỗ trợ	Tháng/Quý/Năm	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	(Báo cáo trong phạm vi quản lý)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

a) Các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan:

- Theo lĩnh vực phụ trách, chủ động thu thập, xác minh và cung cấp số liệu cho Văn phòng HĐND-UBND (qua đồng chí Lê Hoàng Sơn - Phó Chánh Văn

phòng) đúng thời hạn nội bộ được giao **trước ít nhất 03 ngày** so với hạn báo cáo chính thức.

- Lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND phường về chất lượng, tiến độ cung cấp số liệu cho cấp trên trước; tham mưu chỉ đạo, xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh.

b) Văn phòng HĐND-UBND: là đầu mối thu thập, đôn đốc các bộ phận cung cấp số liệu đúng hạn, tổng hợp toàn bộ các chỉ số thuộc công tác chỉ đạo, điều hành của UBND phường, gửi Phòng Văn hoá - Xã hội (*qua đồng chí Lương Khánh Huyền*) **trước ít nhất 01 ngày** so với hạn báo cáo chính thức.

c) Phòng Văn hoá - Xã hội: có trách nhiệm chỉ đạo công chức được giao phụ trách phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND nhập số liệu lên hệ thống IOC thành phố theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thời gian báo cáo:

- Chỉ số theo tháng: gửi trước **ngày 20 hằng tháng**.
- Chỉ số theo quý: gửi trước **ngày 15 của tháng cuối quý**.
- Chỉ số theo báo cáo 6 tháng: gửi trước **ngày 15/6 hằng năm**.
- Chỉ số theo báo cáo năm: gửi trước **ngày 10/12 hằng năm**.

** Thời gian báo cáo có thể thay đổi theo lịch điều chỉnh hoặc khi có yêu cầu của UBND thành phố và các sở, ban, ngành.*

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử. Yêu cầu các phòng, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai, nếu có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo Chủ tịch UBND phường xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường; } (thay b/c)
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lãnh Duy Tiên